

BIÊN CHẾ XE KHÓA 48002K24B2003&B2004 (0124CD) HẠNG B2

stt	Họ và tên học viên	n. sinh	Địa chỉ	xe	g. chú
1	THÁI KHÁNH HUYỀN	11/04/2000	P. Hòa Hải, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng	43A-292.58 Lê Huỳnh Đức	
2	THÁI THÀNH TRUNG	24/08/2004	P. Hòa Hải, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng		
3	ĐÌNH VẠN PHÚ	05/11/2002	P. Hòa Quý, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng		
4	NGÔ XUÂN THỤY	01/11/2001	P. Hải Châu I, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng		
5	PHẠM NGỌC QUÝ	03/03/1997	P. Hòa Khánh Bắc, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng	43A-292.72 Huỳnh Trường Giang	
6	HUỲNH VĂN KHA	19/07/2002	P. Hòa An, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng		
7	PHẠM CÔNG NGUYỄN	24/04/2002	P. Hòa Phát, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng		
8	LƯƠNG THỂ QUANG	22/06/2002	P. Phước Ninh, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng		
9	BÙI ĐÌNH TRUNG	29/04/1997	P. Thuận Phước, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng		
10	HỒ VĂN QUỐC BÌNH	14/12/2001	P. Hòa Phát, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng	43A-293.88 Nguyễn Hữu Bin	
11	VÕ DÂN KHOA	13/06/2001	P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng		
12	HOÀNG NHẬT KHA	24/01/2005	P. Tân Thạnh, TP. Tam Kỳ, T. Quảng Nam		
13	NGUYỄN DUY PHƯỚC	08/04/1999	P. Bình Thuận, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng		
14	TRẦN QUỐC TRUNG	27/09/2002	P. Phước Mỹ, Q. Sơn Trà, TP. Đà Nẵng		
15	NGUYỄN VĂN HÀO	15/11/2002	P. Mỹ An, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng	43A-292.10 Trần Quốc Khánh	
16	NGUYỄN ANH HOÀNG LÂM	17/10/1997	P. Thanh Bình, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng		
17	TRẦN VIỆT TÀI	01/10/2000	P. Hòa Thọ Tây, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng		
18	LÊ THANH SƠN	04/04/2000	P. Hòa Quý, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng		
19	NGUYỄN MINH TRUNG	01/02/2000	P. Hòa Thuận Đông, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng		
20	TRẦN MẠNH HÀ	18/10/1989	P. Điện Ngọc, TX. Điện Bàn, T. Quảng Nam	43A-292.61 Huỳnh Quốc Bảo	
21	NGUYỄN KHÁNH HOÀNG	06/02/1999	P. Phường 11, Q. Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh		0321A
22	TRẦN QUỐC PHƯƠNG	05/11/2001	P. Hải Châu II, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng		
23	PHAN HỮU PHƯỚC	07/04/2002	X. Hòa Châu, H. Hòa Vang, TP. Đà Nẵng		
24	TRẦN MINH VƯƠNG	07/07/2005	X. Bình Hòa, H. Krông Ana, T. Đắk Lắk		
25	ĐẶNG VĂN TUẤN	01/04/1991	X. Nghi Trung, H. Nghi Lộc, T. Nghệ An	43A-293.01 Võ Thành Trung	
26	HUỲNH CÔNG HIẾU	20/01/1999	P. Chính Gián, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng		
27	LÊ HỮU CƯỜNG	09/03/2000	P. An Khê, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng		
28	NGUYỄN THỰC UYÊN	15/10/2000	X. Đại Đồng, H. Đại Lộc, T. Quảng Nam		0622
29	LÊ ĐÌNH KHIÊM	24/04/1999	P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng		

30	TRƯƠNG THỊ HƯƠNG GIANG	28/10/2001	P. Vĩnh Trung, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng	43A-292.88 Nguyễn Đình Anh	
31	NGUYỄN HOÀI NAM	14/01/2003	X. Hòa Tiến, H. Hòa Vang, TP. Đà Nẵng		
32	NGUYỄN ANH NHÀN	29/07/1995	X. Hòa Tiến, H. Hòa Vang, TP. Đà Nẵng		
33	TRẦN KIM NGỌC	19/05/1999	P. Bình Hiên, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng		
34	NGUYỄN DUY VŨ	06/03/1999	P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng		
35	NGUYỄN ĐOÀN QUANG THỌ	01/08/1981	P. Hòa Khánh Nam, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng	43A-294.65 Võ Phan Chung	
36	NGUYỄN ĐÌNH QUÝ LÂM	26/08/1998	P. Hòa Minh, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng		
37	ĐÌNH THANH TRÚC	07/01/2002	P. Hòa Quý, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng		
38	TRƯƠNG NHẬT TÂN	01/01/1987	X. Quế Phong, H. Quế Sơn, T. Quảng Nam		0823B
39	NGUYỄN THÀNH LONG	26/09/1992	P. An Khê, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng		0823B
40	HUỲNH TRẦN NHẬT QUANG	30/11/2002	P. An Hải Tây, Q. Sơn Trà, TP. Đà Nẵng	43A-292.82 Giáo Thanh Tùng	
41	HỒ MINH TRÍ	14/09/1997	P. Thanh Bình, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng		
42	NGUYỄN HỮU PHƯỚC	14/09/2002	P. Thanh Khê Tây, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng		
43	NGUYỄN SƠN LĨNH	11/01/1999	X. Hòa Sơn, H. Hòa Vang, TP. Đà Nẵng		
44	ĐOÀN NGUYỄN THIÊN	21/12/2000	P. Hòa Xuân, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng		

Đà Nẵng, ngày 19 tháng 02 năm 2024

TỔ 1 PHỤ TRÁCH

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

(Đã ký)

Nguyễn Đình Thanh